

Giáo đoàn Tỳ Kheo Ni

Kể từ khi Đức Phật còn tại thế, Ngài đã cho thành lập Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni, sánh vai cùng với các Chúng Đệ Tử khác như Giáo Đoàn Tỳ Kheo và các đoàn thể Cư sĩ khác để hoạt động tích cực một thời tại Ấn Độ lúc bấy giờ cũng như kéo dài suốt 500 năm về sau nữa, rồi lại mất đi dấu tích truyền thừa ngay tại quê hương của Ấn Độ.

Bây giờ đọc tụng những kinh điển do chính kim khẩu của Đức Phật nói ra trong các kinh như Pháp Hoa, Đại Bát Niết Bàn, Bát Nhã thuộc kinh tạng Đại Thừa hay Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm thuộc hệ Nam Tông, vào thời ấy Đức Phật đã chia đệ tử của Ngài ra làm 2 Chúng; 4 Chúng hoặc 7 Chúng.

Hai Chúng đó là: Xuất gia và tại gia.

Bốn Chúng đó là: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni; Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Bảy Chúng ấy gồm: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thúc Xoa Ma Na Ni, Sa Di, Sa Di Ni, Cư sĩ nam và Cư sĩ nữ.

Như vậy sự phân định này vẫn còn có giá trị cho đến bây giờ. Chỉ riêng các nước Nam Truyền thì không còn nữa.

Đọc lại lịch sử chúng ta thấy ban đầu Đức Phật vẫn không đồng ý cho người nữ xuất gia; nhưng không nêu rõ lý do. Có lẽ vì đời sống khổ hạnh của một người nữ nơi chốn hoang vu của núi rừng không đảm bảo để đương đầu với rừng thiêng thú dữ; nên Đức Phật đã không thuận. Có phải đây là lý do chính chẳng? Vì vậy trong Bát Kinh Pháp chúng ta thấy Đức Phật đã lo lắng cho sự an nguy của người nữ nên bắt buộc nơi nào không có trụ xứ của chư Tăng thì người nữ không được an cư. Hoặc giả sau khi an cư, thọ giới phải đi đến đánh lễ chư Tăng, nhằm để chứng minh sự hiện hữu và sự tồn tại của Ni Đoàn trong khi làm nhiệm vụ của người Tăng Sĩ.

Đã qua ba lần thưa thỉnh của Ngài A Nan, Đức Phật mới chấp nhận. Vì lẽ giữa người Nam và người Nữ đều có Phật tánh giống nhau; nhưng Đức Phật vẫn cẩn thận cân nhắc qua Bát Kinh Pháp. Tuy thế bà dì ruột Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng với 500 thế nữ đã tự ý xuống tóc với chân trần quyết chí đi bộ, đến Tỳ Xá Ly nơi Đức Phật cư ngụ để xin xuất gia sống đời phạm hạnh và cuối cùng Phật đã thuận và Ngài đã huyền ký rằng: Khi người nữ xuất gia thì thời kỳ chánh pháp thay vì 1.000 năm chỉ còn lại 500 năm thôi.

Có lẽ căn cứ theo lời dạy này mà sau 500 năm có tu, có hành, có chứng ấy Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni của Ấn Độ đã tự biến mất. Ta vẫn biết sau gần 300 năm Đức Phật nhập diệt, Công chúa Shangamita là con gái của vua A Dục, đồng thời cũng là một Tỳ Kheo Ni đã cùng với anh ruột của mình là Thái Tử đồng thời là Tỳ Kheo Mahinda đã mang cây Bồ Đề từ Ấn Độ sang Tích Lan để trồng tại đó. Cây Bồ Đề ấy ngày nay vẫn còn và cộng đồng Giáo Hội của Tích Lan vẫn được xem là một cộng đồng lâu đời và có tính cách truyền thống nhất cũng đã được truyền vào đây bởi một vị Tăng và một vị Ni; nhưng sau đó tại Tích Lan Tỳ Kheo Ni cũng biến mất.

Trong kinh Pháp Hoa phần phẩm tựa cũng như phẩm Thọ Ký, Đức Phật đã thọ ký cho Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề cũng như Bà Da Du Đà La ở một kiếp trong tương lai cũng sẽ thành Phật. Như vậy người nữ, dưới mắt Đức Phật cũng có khả năng thành Phật. Đồng thời với Đức Phật có Trưởng Lão Ni Kệ đã xuất hiện; trong này có mô tả sự thành tựu thánh quả của Tỳ Kheo Ni Aya Khema, của Nữ Cư Sĩ Tỳ Xá Khư. Mặt khác trong kinh Duy Ma Cật, Đức Phật cũng đã nêu cao vai trò cũng như vị trí chứng đạo của Cư sĩ, chứ không nhất thiết là tu sĩ, xuất gia sống đời độc cư mới được thành tựu quả vị A La Hán hay Bồ Tát. Hoặc giả như Thăng Man phu nhân cũng đại diện cho tầng lớp Nữ Cư Sĩ đã nhập vào hàng Thánh quả. Vua Tịnh Phạn trước khi băng hà cũng đã nhập vào quả Dự Lưu.

Như vậy ngay cả Cư sĩ, dẫu nam hay nữ vẫn được nhập vào quả Thánh thì tại sao người nữ không thể trở thành một Tỳ Kheo Ni? Đây là một câu hỏi đã được đặt ra cho các xứ Phật Giáo Nam Tông như Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cam Bốt. Trong khi đó sự truyền thừa về Ni Giới của các truyền phái Bắc Tông tuy vẫn liên tục cho đến ngày nay; nhưng lúc khởi nguyên thì chẳng rõ ngọn ngành là ai đã chấn hưng hoặc đã khởi xướng ra việc ấy? Ngay cả Phật Giáo Tây Tạng là một nước theo Đại Thừa, mà truyền thống của Ni Giới không có; nên nhiều người Âu Mỹ sau khi xuất gia với Phật Giáo Tây Tạng, qua thời gian năm tháng họ phải qua Việt Nam, Trung Hoa, Đài Loan hay Đại Hàn để thọ lãnh giới pháp Tỳ Kheo Ni, để từ đó họ về lại quê hương của họ, có cơ sở mà hành trì giới luật.

Đã từ lâu Đức Đạt Lai Lạt Ma được yêu cầu cũng như nên chuẩn y việc thành lập Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni Tây Tạng; nhưng riêng Ngài đã không muốn phá lệ này và có lẽ Ngài cũng đã thông qua Hội Đồng Chư Tăng Tây Tạng gồm các bậc Trưởng Lão đạo cao đức trọng; nhưng chẳng ai dám quyết định cho việc hệ trọng này; nên vào ngày 18, 19 và 20 tháng 7 năm 2007 tại Hamburg một Hội Nghị thế giới về truyền thống chư Ni đã thọ Tỳ Kheo Ni gồm các vị Đại Sư, các nhà học giả thảo luận, nghiên cứu nhằm thiết lập một Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni chính thức cho Tây Tạng và cho thế giới có lẽ hợp lệ hơn; nên Đức Đạt Lai Lạt Ma đã chọn địa phương nước Đức. Nơi văn minh triết học được tỏa rạng suốt bao thế kỷ qua. Đồng thời nước Đức cũng là nước có trên 200 năm Phật Giáo đã du nhập vào đây; do đó nước Đức xứng đáng để nhận lãnh vai trò ấy.

Đây là một việc làm hết sức quan trọng và Ngài cũng đã thận trọng cân nhắc từng trường hợp một và hoàn cảnh cũng như phong tục của xứ Tây Tạng; nhưng nếu không thực hiện ngay từ bây giờ, trong lúc Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 còn sống thì liệu những vị kế thừa về sau có đủ năng lực cũng như sự thuận lợi để chủ xướng

vấn đề trên hay không; nên Ngài đã biểu đồng tình cho việc này. Nếu không sẵn sàng chấp nhận, điều ấy cũng có nghĩa là để mặc cho những người Nữ Tây Tạng và Âu Mỹ muốn làm sao thì làm, thử hỏi còn đâu là nề nếp của Tăng Già nữa.

Nhìn qua Thái Lan ta thấy rõ điều đó. Đã từ lâu nước này lấy Phật Giáo Nam Tông làm quốc giáo và họ đã sống cũng như thực hành đạo ấy cả hơn 1.000 năm nay không có sự hiện hữu của Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni, dưới sự giám sát của Vua Sãi cũng như 4 vị Tăng Quan. Thế nhưng thế giới đã đổi thay và người nữ cư sĩ càng ngày càng nắm nhiều địa vị quan trọng trong quần chúng cũng như học đường; nên đã có nhiều vị nữ cư sĩ là Viện Trưởng Viện Đại Học hay giáo sư, học giả của Thái Lan đi sang các nước Đại Thừa để xuất gia, thọ giới và sau đó họ về lại quê hương của họ để gây dựng một Cộng Đồng Ni Giới tại đây. Tuy chư Tăng chưa và không thừa nhận; nhưng đó là chuyện đã rồi, Giáo Hội cũng như Tăng Già Thái Lan không thể loại bỏ họ ra ngoài cuộc sống thường ngày của dân chúng được.

Họ, đồng thời là những người có thế lực đã và đang vận động với Quốc Hội Thái Lan, phải thông qua dự luật cho người nữ xuất gia, thọ giới v.v... đứng về điểm này những người nữ tu ấy đã sai vì chỉ muốn thông qua thể quyền, chứ không muốn thông qua giới luật. Do vậy mà ở Thái Lan trong hiện tại đang gặp khó khăn không ít về vấn đề này.

Có lẽ quan sát kỹ vấn đề trên nên Đức Đạt Lai Đạt Ma đã chấp nhận một Hội Nghị như thế. Vì lẽ trong lúc người ta đưa tay ra để bắt, hạ mình xuống để cầu khẩn, van xin mà mình không đoái hoài tới, khiến tức nước sẽ vỡ bờ; nên ngửa trước vẫn còn hơn và đúng thời đúng lúc nữa.

Ngày nay người nữ đã nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các cơ quan chính quyền trên thế giới như làm Vua, làm Tổng Thống, làm Thủ Tướng, làm Ngoại Trưởng v.v... chứng tỏ rằng người nữ cũng có khả năng bằng hoặc hơn nam giới. Do vậy mà những gì thuộc về giới chắc chắn chư Tổ cũng khó sửa đổi được; nhưng những gì thuộc về luật, nghi, quy v.v... thì có thể thay đổi cho hợp với thời gian và hoàn cảnh của từng thời đại một. Có như thế Phật Giáo mới dễ bám rễ vào lâu dài văn hóa tại đây.

Nhìn về Đài Loan, Ni Giới đang phát triển mạnh và đang chiếm thế thượng phong. Ở đây Ni Giới có nhiều thời gian để chăm bón cây giác ngộ ấy từ thuở thiếu thời; nên có nhiều cơ hội để phát triển trong mọi hoàn cảnh của xã hội. Trong khi chư Tăng phải đi thi hành nghĩa vụ quân sự xong, khi về lại nhà nếu ai phát tâm xuất gia học đạo, lúc ấy mới bắt đầu sinh hoạt với thiên môn. Do vậy mà độ phát triển bên Tăng ở Đài Loan chậm hơn là độ phát triển bên Ni cũng là điều hiển nhiên mà thôi.

Tuy nhiên nếu Ni giới Đài Loan xem sự phát triển cơ sở vật chất và hoạt động xã hội là quan trọng mà đòi loại bỏ Bát Kinh Pháp là một điều sai trái. Vì Bát Kinh Pháp do Phật chế chứ không do chư Tổ và chư Tăng chế ra; nên không ai có quyền bỏ cả. Ngay khi Phật còn tại thế Ngài cũng đã khuyên Ngài A Nan là những giới luật nhỏ nào không hợp với phong thổ, quốc độ của từng địa phương thì có quyền bỏ bớt; nhưng thuở ấy Ngài A Nan đã chẳng hỏi rõ ràng là giới nào nên bỏ và giới nào không nên. Do vậy trong kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất tại động Thất Diệp gần núi Kỳ Xà Quật ở thành Vương Xá, Ngài Ưu Ba Ly đã trùng tuyên lại tất cả những giới luật mà Phật đã chế ra cho cả Tăng lẫn Ni sau 12 năm Đức Phật hành đạo. Như vậy đứng về phương diện thời gian mà nói: Những giới luật này đã được 500 vị A La Hán đồng thuận, không có một vị nào chống đối cả. Điều này cho chúng ta thấy rằng không có gì để hoài nghi khi thực hành giới luật và đây cũng chính là nền tảng căn bản để chư Tăng cũng như chư Ni thực hành trong suốt những năm hành đạo của mình.

Như trên đã trình bày Bát Kinh Pháp nhằm để bảo vệ giới thân huệ mạng của người nữ, chứ không phải để hạ thấp giá trị đạo đức của người Nữ. Do vậy ở đây không cần phải bàn đến việc bỏ đi hay chấp nhận nó. Nếu một người có ý niệm tự phá bỏ kỷ cương, thì chính ý niệm ấy cũng đã là một tiền đề cho sự sai trái rồi, đâu có cần lên tiếng hay chứng minh mới được gọi là chính thức. Còn người tôn trọng Ba La Đề Mộc Xoa, có nghĩa là thực hành sự sai biệt giải thoát đó một cách nghiêm chỉnh thì tự người ấy được an lạc và tự tại; còn kẻ chống đối kia vẫn bị cô đơn trên lộ trình giải thoát như phàm tình.

Ví dụ như trong gia đình cha mẹ có hai người con; một trai và một gái. Người con gái gần 18 tuổi xin phép cha mẹ cuối tuần cho đến nhà bạn để thăm và ở lại đó, thì chắc chắn rằng khó nhận được cái đồng thuận gật đầu của cha hoặc mẹ. Trong khi đó người em trai nhỏ tuổi hơn thì được chấp nhận một cách dễ dàng. Điều này nó chẳng có nghĩa là tình thương bị đối xử không bình đẳng? Tất cả đều giống nhau; nhưng chỉ vì muốn đảm bảo cuộc sống tương lai của con gái mình; nên cha mẹ mới không đồng ý mà còn tỏ vẻ cản ngăn nữa.

Từ câu chuyện trên đây chúng ta thấy Đức Phật cũng không khác mấy. Vì Ngài nhận thấy thân người nữ yếu đuối phải cần nương tựa với Tăng Già nên mới chế ra Bát Kinh Pháp như vậy.

Riêng hoàn cảnh đất nước Việt Nam chúng ta có khác. Sự truyền thừa về chư Ni không biết từ bao giờ, mà mãi đến nay chư Ni đã trở thành khuôn pháp cũng như mẫu mực ở những Đạo Tràng lớn trong cũng như ngoài nước. Đứng về phương diện lịch sử ta chỉ thấy Ni Sư Diệu Nhân xuất hiện vào đời Lý; nghĩa là cách nay gần 1.000 năm trước; nhưng sau đó là vị nào nữa thì bên Ni Việt Nam hầu như không có phổ hệ truyền thừa. Chỉ đến thế kỷ thứ 19, 20 và 21 chư Ni Việt Nam mới có những vị truyền thừa rõ rệt.

Thời Lý - Trần là thời Tam Giáo đồng quy; thế nhưng việc trọng nam khinh nữ vẫn còn xuất hiện. Do vậy ngoài nhân gian, trong chốn chùa chiền cũng bị ảnh hưởng lây và có lẽ thuở bấy giờ các vị Tổ bên Tăng hay ngay cả bên Ni xem đây cũng chỉ là chuyện bình thường của xã hội đương thời; nên quý Ngài đã không đề cập đến.

Tuy nhiên rất may mắn để sinh ra làm một người Nữ Việt Nam, đồng thời là một vị Ni Việt Nam khác với chư Ni của Đài Loan hay Nhật Bản hoặc Hàn Quốc. Vì chư Ni Việt Nam có đầy đủ quyền hạn như: Truyền giới tại gia, cho quy y Tam Bảo. Hay truyền giới xuất gia của những lãnh vực thuộc về Ni như Sa Di Ni, Thức Xoa Ma Na Ni, Tỳ Kheo Ni và Bồ Tát giới tại gia. Ngay cả việc đăng đàn thuyết pháp cho chư Ni hay Cư sĩ tại gia thì lãnh vực này chư Ni Việt Nam vẫn luôn được khuyến khích thực hành chứ không bị giới hạn như các nước Phật Giáo khác.

Nếu bảo Phật tánh là sự bình đẳng thì giữa nam và nữ đều giống nhau. Tuy nhiên hình thức khác nhau là điều có thể chấp nhận được. Ví dụ như một kí-lô gram bông gòn và một kí-lô gram sắt, so trọng lượng giống nhau; nhưng so thể lượng về hình thức to nhỏ khác nhau chứ không thể hoàn toàn giống nhau được. Vì người nữ có cái khó khăn và sự giới hạn nhất định của người nữ. Còn người Nam tuy vẫn có khó khăn; nhưng đơn thuần hơn, không phức tạp và tế nhị như người nữ. Do đây mà Đức Phật đã chế ra cho người nữ có nhiều giới luật hơn, nhằm giữ gìn để thăng hoa cuộc sống nội tâm và sự giải thoát của người nữ càng được đảm bảo nhiều hơn nữa.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý sự thay đổi về Luật, Nghi, Quy v.v... ví dụ như Bách Trượng Thanh Quy, Thiền Môn Nghi Thức, Luật Nghi của Sa Di, Sa Di Ni v.v... Nhưng những gì thuộc về giới thì nên để nguyên. Vì không phải là chỗ lạm bàn của những bậc hậu bối. Ngay là Tổ Sư của một Tông phái đi chăng nữa cũng không được quyền sửa lại những giới của Phật đã chế ra tự ngàn xưa.

Đứng về phương diện bản thể của Tăng Già là thanh tịnh, thì ở đây không phân biệt nam hay nữ; nhưng đứng về phương diện hình tướng của Tăng Già, ở đây phải phân biệt nữ nam cho rõ ràng. Vì mỗi người, mỗi giới đều chỉ có thể có khả năng thực hiện nhiệm vụ và chức năng của mình trong khuôn khổ giới luật cho phép, chứ không nên đi ra ngoài phạm vi của giới luật, mà vốn dĩ con người càng ngày càng đi xa nơi phát xuất lúc ban đầu quá nhiều rồi. Nếu chúng ta thận trọng lưu tâm và để ý thực hiện thì cả Tăng lẫn Ni chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng ngôi nhà Phật Pháp một cách tốt đẹp hơn. Còn nếu chúng ta cứ luôn tranh cãi hơn thua để phần thắng về mình thì sẽ bị giậm chân tại chỗ. Vì lẽ trong chiến trường thì có kẻ thua người thắng theo phép đối đãi của thế gian; nhưng trong phép xuất thế gian, khi chiến đấu với tham, sân, si, dục vọng hay sự vị kỷ của từng cá nhân thì tất cả chúng ta đều bình đẳng nơi cảnh giới giải thoát, không có gì phân biệt cả.

Trên đây là một số nhận định cũng như đóng góp của cá nhân mình. Việc sai đúng hãy để tự nó dung hợp với thời gian và năm tháng. Vì sự sai hay sự đúng, nó chỉ đúng về một phía quan niệm của người muốn nói. Chúng ta nên vượt lên khỏi sự đúng sai ấy thì giá trị của mọi vấn đề mới cao cả. Còn thị phi nhân nghĩa là còn so sánh, mà việc gì còn nằm trong sự so sánh, đó chỉ là vấn đề bình thường, không phải là vấn đề phi thường nữa.

Lâu nay tôi cũng đã muốn đề cập đến vấn đề này; nhưng chưa thuận tiện. Nay nhân việc Hội Nghị thế giới đầu tiên về Ni Giới tổ chức tại Hamburg do Đức Đạt Lai Lạt Ma chủ trì nên ghi lại vài dòng để làm kỷ niệm và đây cũng chính là ý kiến riêng của chúng tôi đối với vấn đề Giáo Đoàn Ni.

Câu nguyện chư Ni trong mai hậu có một sức sống mãnh liệt và nương tựa vào giới luật để tấn tu đạo nghiệp để Phật Giáo được xiển dương rộng rãi trên quả địa cầu này.-